

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 24 tháng 12 năm 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Sỹ Hỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Tùng
2. Bà Trần Phương Thảo

Thư ký phiên toà: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2019/TLST-HS ngày 02/12/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS, ngày 11/12/2019 đối với bị cáo:

1. Trương Văn Q, sinh ngày 10/5/1994, tại xã LK, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá; Nơi cư trú: thôn HN, xã LK, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn Đ và bà Đỗ Thị B; Có vợ là Phạm Thị Nh và 01 (Một) con;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 09/3/2017 bị Toà án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

2. Những người bị hại:

- Anh Lê Văn Đ - sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: thôn ĐX, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá.

- Anh Cao Văn C - sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn SM, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá.

3. Những người làm chứng:

- Anh Lương Thế T - sinh năm 1984 (vắng mặt);
- Anh Lương Văn H- sinh năm 1993 (vắng mặt);
- Anh Trần Công H- sinh năm 1981 (vắng mặt).
- Chị Đỗ Thị H – sinh năm 1981(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước, vào ngày 23/4/2019 và ngày 31/5/2019 Trương Văn Q mượn 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 36M1-140.73 của anh Lê Văn Đ sinh năm 1999 trú tại thôn ĐX, xã TT, huyện TX và 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 36M7 – 8434 của anh Cao Văn C sinh năm 2000, trú tại thôn SM, xã XC, huyện TX sau đó đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể:

Lần thứ nhất: Chiều ngày 23/4/2019, Trương Văn Q đang ở nhà mình tại thôn HN, xã LK, huyện TX thì Lê Văn Đ(là cháu họ của Q) đi xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 36M1-140.73 vào chơi, đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì Q rủ Đ cùng vợ con mình đến nhà Lương Thế T sinh năm 1984 ở cùng thôn chơi và ăn cơm tối tại đây. Sau khi ăn cơm xong. Đ thấy một trong người nên nhờ Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36M1-140.73 chở Đ về nhà Q nghỉ trước. Khi về đến nhà Q nói với Đ: “Cho cậu mượn xe quay lại đón vợ và em”, Đ đồng ý và nói: “Cậu đừng cầm xe của cháu”, Q nói: “Ừ” và điều khiển xe mô tô quay lại nhà T thì gặp Lương Văn H, sinh năm 1993 trú tại thôn TĐ, xã TT, huyện Thường Xuân và nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe biển kiểm soát 36M1-140.73 của Đ. Trương Văn Q hỏi và được H cho cầm cố chiếc xe trên lấy số tiền 10.000.000đ. Sau khi cầm được xe, Q đã dùng số tiền trên tiêu sài cá nhân hết. Sau thời gian không thấy Q đến lấy xe, Lương Văn H đã mang chiếc xe biển kiểm soát 36M1-140.73 đến cầm cố tại nhà anh Trần Công H, sinh năm 1981 trú tại thôn MT 2, xã XB, huyện TX lấy số tiền 10.000.000đ.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 31/5/2019, Trương Văn Q đang ở nhà thì anh Cao Văn C đi xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36M7-8434 đến chơi và ở lại ăn cơm trưa cùng gia đình Q. Sau khi ăn cơm xong Q nói với C: “Cho anh mượn xe ra đây có tý việc”, C đồng ý, Q điều khiển xe đi đến nhà một người bạn tên Th ở gần Trường cấp 3 Lam Kinh, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân để vay tiền nhưng không gặp nên quay về. Trên đường về Q gặp chị Đỗ Thị H, sinh năm 1981 trú tại thôn TT, xã XC, huyện TX nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của C. Trương Văn Q hỏi và được chị H cho cầm cố chiếc xe biển kiểm soát 36M7-8434 lấy số tiền 5.000.000đ. Số tiền này Q tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi biết Trương Văn Q chiếm đoạt xe mô tô của mình, Lê Văn Đ và Cao Văn C đã nhiều lần đến hỏi Q trả lại xe nhưng Q không trả nên đã báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân giải quyết.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã thu giữ 02 chiếc xe mà Q đã cầm cố tại nhà anh H và chị H.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 22/KL-ĐGTS ngày 17/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân đã kết luận: 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 36M1-140.73 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 21.000.000đ, 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 36M7-8434 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 6.000.000đ, tổng giá trị hai chiếc xe mô tô là 27.000.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Trương Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại Q đã chiếm đoạt xe mô tô của anh Đ và anh C mang đi cầm cố được 15.000.000đ để chi tiêu cá nhân.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 10.000.000đ anh Trần Công H cho Lương Văn H cầm cố chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 36M1-140.73, anh H không yêu cầu H bồi thường, Lương Văn H không yêu cầu Q bồi thường số tiền 10.000.000đ. Đối với số tiền 5.000.000đ, chị Đỗ Thị H không yêu cầu Trương Văn Q trả lại.

Về vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 36M1-140.73 là của chị Lê Thị D, sinh năm 1981 trú tại thôn ĐX, xã TT, huyện TX(mẹ của Đ); chiếc xe xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 36M7-8434 là của anh Cao Văn C.

Ngày 16/11/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã trả lại tài sản cho chị D, anh C. Chị D, Đ, C không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Số tiền 15.000.000đ do bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân không thu giữ được.

Bị cáo Trương Văn Q có 01 tiền án: Ngày 09/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện TX xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội cố ý gây thương tích.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Trương Văn Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 và 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trương Văn Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1điều 52; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; đề nghị xử phạt Trương Văn Q mức án tù từ 27 đến 30 tháng tù. Tổng hợp với 24 tháng tù của bản án số 06/2017/HSST ngày 09/3/2017 của TAND huyện TX. Bị cáo được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam tại bản án số 06/2017/HSST là 02 tháng 28 ngày(từ ngày 03/4 đến ngày 29/6/2019). Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án trên; thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với

bị cáo.

Về xử lý vật chứng và án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu số tiền 15.000.000đ do bị cáo phạm tội mà có sung vào ngân sách Nhà nước và đề nghị bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào phòng nghị án: Bị cáo rất hối hận về hành vi của bản thân, đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân, sớm đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của người làm chứng, kết luận luận định giá tài sản và kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: tối ngày 23/4/2019 bị cáo đã mượn chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 36M1-140.73 của anh Lê Văn Đ sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang đi cầm cố được 10.000.000đ; tiếp đó vào ngày 31/5/2019 bị cáo tiếp tục mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36M7-8434 của anh Cao Văn C mang đi cầm cố được 5.000.000đ. Trị giá của hai chiếc xe mô tô mà Q chiếm đoạt của anh Đ, anh C theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 22/KL-ĐGTS ngày 17/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân là 27.000.000đ, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại, người làm chứng, các tang vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm

vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS 2015. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu trong quản lý và bảo vệ tài sản mà Trương Văn Q đã hai lần mượn tài sản của người quen sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt, mang tài sản mượn được đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 27.000.000đ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cho bị cáo: Bị cáo Q người có nhân thân xấu, tại bản án số 06/2017/HSST ngày 09/03/2017 của TAND huyện TX, Trương Văn Q bị xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng. Bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách, lẽ ra bị cáo phải lấy đây làm bài học cho mình, trong thời gian này bị cáo phải tích cực rèn luyện, phấn đấu, chăm lo lao động kiếm sống hợp pháp để trở thành công dân có ích cho xã hội. Nhưng bị cáo không lấy lần phạm tội trước làm bài học mà lại liên tiếp lao vào con đường phạm tội, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Do đó cần áp dụng các điểm g,h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại Lê Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm hoà nhập cộng đồng.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa áp dụng đối với bị cáo: Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí và xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến đề nghị. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt: Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g,h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 38 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, để bị cáo tích cực cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội. Tổng hợp với 24 tháng tù của bản án trước buộc bị cáo Trương Văn Q phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án và được trừ đi thời hạn tạm giam tại bản án số 06/2017/HSST là 02 tháng 28 ngày.

[7] Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu số tiền 15.000.000đ do bị cáo phạm tội mà có sung vào ngân sách Nhà nước

[8] Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g,h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 38 BLHS 2015

1.Tuyên bố: Trương Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

2.Xử phạt: Trương Văn Q 27(Hai bảy) tháng tù. Tổng hợp với 24(Hai bốn) tháng tù tại bản án số 06/2017/HSST ngày 09/3/2019 của Toà án nhân dân huyện TX. Bị cáo phải chịu mức án 51(năm mươi mốt) tháng tù, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam tại bản án số 06/2017/HSST là 02 tháng 28 ngày. Buộc bị cáo Trương Văn Q phải chấp hành hình phạt tù của 02 bản án là 48(Bốn tám) tháng 02(Hai) ngày tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giam 03/10/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu số tiền 15.000.000đ sung vào ngân sách Nhà nước

4.Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 136, 331,333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc Trương Văn Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại Lê Văn Đ; vắng mặt người bị hại Cao Văn C. Bị cáo, người bị hại Lê Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại Cao Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Công an huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Bị cáo;
- Những người bị hại ;
- Lưu HSA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Sỹ Hỷ

